



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2015



Ngày 31 tháng 03 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,171,023,753,645	474,637,246,734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	99,124,822,873	44,211,919,920
1. Tiền	111		68,014,822,873	44,211,919,920
2. Các khoản tương đương tiền	112		31,110,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		217,862,159,865	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6b	217,862,159,865	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		756,374,994,467	356,295,446,415
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	346,814,700,276	304,201,118,769
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		400,038,891,156	5,337,597,354
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	13,416,014,810	50,651,342,067
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3,894,611,775)	(3,894,611,775)
IV. Hàng tồn kho	140	10	73,820,451,986	62,013,716,479
1. Hàng tồn kho	141		74,448,059,558	62,641,324,051
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627,607,572)	(627,607,572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23,841,324,454	12,116,163,920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,691,864,586	239,561,061
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19,369,952,695	7,221,671,927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2,779,507,173	2,779,507,173
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	1,875,423,759
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,114,095,703,119	1,199,913,067,784
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,184,365,881,462	764,162,014,150
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7b	764,162,014,150	764,162,014,150
5. Phải thu dài hạn khác	216	8b	420,203,867,312	-
II. Tài sản cố định	220		1,396,993,490,565	60,918,527,578
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	588,425,464,169	53,720,123,021
- Nguyên giá	222		743,163,405,012	81,813,600,348
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154,737,940,843)	(28,093,477,327)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	808,568,026,396	7,198,404,557
- Nguyên giá	228		866,019,056,647	8,131,674,450
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57,451,030,251)	(933,269,893)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,056,407,431,549	129,021,273
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1,056,407,431,549	129,021,273
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	260,367,942,391	211,546,226,410
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6c	69,765,188,235	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6c	2,902,900,000	2,902,900,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6c	(2,902,900,000)	(2,902,900,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6b	190,602,754,156	211,546,226,410

VI. Tài sản dài hạn khác	260		215,960,957,152	163,157,278,373
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	59,075,988,615	143,478,569
5. Lợi thế thương mại	269	16	156,884,968,537	163,013,799,804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5,285,119,456,764	1,674,550,314,518

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3,801,888,595,758	1,116,794,930,555
I. Nợ ngắn hạn	310		2,016,756,783,928	162,285,952,218
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	57,182,741,462	28,396,007,425
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16,892,201,988	10,415,743,678
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10,669,490,120	1,941,252,846
4. Phải trả người lao động	314		852,169,420	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	78,712,744,732	29,403,023,515
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	10,713,399,632	250,747,717
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	21a	1,340,026,055,381	11,973,404,076
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22a	493,213,726,284	70,940,839,208
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,494,254,909	8,964,933,753
II. Nợ dài hạn	330		1,785,131,811,830	954,508,978,337
7. Phải trả dài hạn khác	337	21b	78,252,220,500	779,531,468,549
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22b	1,651,526,375,995	174,906,899,750
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	55,353,215,335	70,610,038
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,483,230,861,006	557,755,383,963
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,483,230,861,006	557,755,383,963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	728,547,650,000	225,169,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		728,547,650,000	225,169,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	(51,087,840)	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	24	(5,301,564,064)	(5,362,083,904)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	8,481,118,965	7,555,936,134
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	24	624,947,695	925,182,831
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	425,088,288,695	205,143,874,082
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		178,625,860,590	3,033,448,266
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		246,462,428,105	202,110,425,816
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	325,841,507,555	124,322,924,820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5,285,119,456,764	1,674,550,314,518

Lập ngày 22 tháng 5 năm 2015

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Văn Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	96,799,322,998	34,143,745,926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2,288,441,553	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94,510,881,445	34,143,745,926
4. Giá vốn hàng bán	11	28	66,179,239,091	27,805,553,517
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28,331,642,354	6,338,192,409
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	133,984,692,171	470,178,808
7. Chi phí tài chính	22	30	44,991,114,855	3,220,831,761
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44,990,556,843	3,220,831,761
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	31	6,158,842,223	-
9. Chi phí bán hàng	25	32a	3,890,607,617	571,881,781
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32b	14,420,013,954	1,331,383,597
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105,173,440,322	1,684,274,078
12. Thu nhập khác	31	33	165,197,160,642	2,300,000
13. Chi phí khác	32		21,616,276	14,210,293
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		165,175,544,366	(11,910,293)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		270,348,984,688	1,672,363,785
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	8,955,484,323	354,896,782
17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	35	(3,545,299)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		261,397,045,664	1,317,467,003
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		247,311,213,681	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14,085,831,983	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Lập ngày 22 tháng 5 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Thành

Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Thông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		108,124,468,163	56,809,043,339
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(58,658,606,334)	(44,878,215,935)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8,210,231,327)	(4,114,881,252)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(27,431,117,599)	(254,674,846)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(37,825,260,818)	(2,618,921,821)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21,491,094,127	31,342,442,329
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(14,858,839,510)	(31,376,670,245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,368,493,298)	4,908,121,569
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(53,591,497,584)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18,169,403,068	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,650,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30,285,003,899	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(543,520,795,215)	(17,600,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6,965,000,000	14,600,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,817,992,571	20,401,030
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(541,524,893,261)	(2,979,598,970)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		503,536,652,000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(44,360,000)	(5,353,088,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		620,930,952,028	134,991,730,006
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(476,476,218,814)	(136,672,397,699)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34,140,903,412)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		613,806,121,802	(7,033,755,693)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		54,912,735,243	(5,105,233,094)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44,211,919,920	6,759,914,370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		167,719	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		99,124,822,873	1,654,681,276

Lập ngày 22 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Văn Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2015
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần sửa đổi sau đó.

- Tại ngày 31/03/2015, Công ty đang thực hiện đầu tư vào (6) hai công ty con là Cty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội; Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình, Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và 02 công ty liên kết là Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thành - quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư -TM -DV -XD

3. Ngành nghề kinh doanh.

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước...
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các công ty con 06
- + Số lượng các công ty con được hợp nhất: 06
- + Số lượng các công ty con không được hợp nhất:
- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn (các trường hợp mua thêm, thanh lý, thoái vốn tại các công ty con trong kỳ)
- Danh sách các công ty con;

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89.98%	89.98%	944,530,016,068	
2/ Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	99.81%	99.81%	78,000,000,000	
3/ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	51.00%	233,376,000,000	
4/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	99.99%	300,659,554,167	
5/ Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	99.99%	335,996,028,454	
6/ Công ty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	100.00%	100.00%	430,425,833,333	
			-	
Cộng	xxx	xxx	2,322,987,432,022	

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	49.75%	49.75%	63,568,623,284	
2/ Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận			37,722,728	
Cộng	xxx	xxx	63,606,346,012	

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nếu độ dài về kỳ so sánh...)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán: áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

IV. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục)

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh;

+ Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

+ Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các khoản cho vay;

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

- Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này

Các khoản góp vốn vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

- d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
- e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; Giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền ;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- + Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- + Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- + Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.
- + Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn, dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

- + Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.
- + Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.
 - + Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
 - + Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu
 - + Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được đo biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

+ Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

+ Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;

- Doanh thu cung cấp dịch vụ;

- Doanh thu hoạt động tài chính;

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

- Thu nhập khác

+ Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm đầu tư, lãi tiền gửi... nhận được.

+ Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn không?

2. Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp

3. Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:

- Các khoản dự phòng;

- Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá (còn đang phản ánh trên Bảng cân đối kế toán – nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CĐKTHN

5 Tiền

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	598,274,178	229,938,354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67,416,548,695	43,981,981,566
Các khoản tương đương tiền (i)	31,110,000,000	-
Cộng	99,124,822,873	44,211,919,920

6 Phải thu ngắn hạn khách hàng

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu UBND Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (i)	290,677,278,538	251,418,309,508
Công ty CP Him Lam	13,917,143,479	16,181,362,569
GS - Nhà thầu thiết kế và xây dựng tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành Đai Ngoài	8,225,502,000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	5,013,397,225	166,095,000
Các khách hàng khác	28,981,379,034	36,435,351,692
Cộng	346,814,700,276	304,201,118,769

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu UBND Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (i)	764,162,014,150	764,162,014,150
Cộng	764,162,014,150	764,162,014,150

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	1,456,260,290	850,996,290
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	105,600,000	-
Cộng	1,561,860,290	850,996,290

7 Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	7,389,543,057

<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	7,389,543,057
Phải thu người lao động	2,954,230,037	-
Ký cược, ký quỹ	9,000,000	-
Các khoản chi hộ	61,153,101	109,850,720
<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	1,046,388	1,046,388
<i>Khách hàng mua căn hộ</i>	60,106,713	108,804,332
Phải thu khác	10,391,631,672	43,151,948,290
<i>Chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu (i)</i>	9,546,600,657	-
<i>Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền</i>	73,286,418	-
<i>Ông Nguyễn Việt Cường</i>	92,172,585	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	20,815,288,557
<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	140,000,000	18,128,403,068
<i>Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. HCM</i>	-	3,730,866,028
<i>Khoản phải thu nhận bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí điện Lữ Gia</i>	283,640,353	283,640,353
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	255,931,659	193,750,284
Cộng	13,416,014,810	50,651,342,067

b) Dài hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu (i)	420,203,867,312	-
Cộng	420,203,867,312	-

11 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1,092,138,560	1,092,138,560
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1,110,797,025	1,110,797,025
Tiền thuế đất nộp thừa	576,571,588	576,571,588
Cộng	2,779,507,173	2,779,507,173

14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	974,716,329,270	-
Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (i)	62,482,565,192	-
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	16,475,116,004	-
Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm	2,586,217,992	-
Các dự án khác	147,203,091	129,021,273
Cộng	1,056,407,431,549	129,021,273

(i) Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội và Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 22.

15 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí lãi vay trả trước (i)	58,679,023,066	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	396,965,549	143,478,569
Cộng	59,075,988,615	143,478,569

(i) Chi phí lãi vay trả trước là giá trị khoản chi phí lãi vay tài trợ cho Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu, tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay là 12,1%.

16 Lợi thế thương mại

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Tại ngày đầu kỳ	163,013,799,804	-
Tăng trong kỳ	4,163,621,765	173,202,162,292
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(10,292,453,032)	(10,188,362,488)
Tại ngày cuối kỳ	156,884,968,537	163,013,799,804

17 Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty CP Xây Dựng Hạ tầng CII	21,806,224,342	-
Công ty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	7,320,905,120	5,173,587,320
Công ty TNHH TMĐT Xây Dựng Thiên Lộc	3,562,707,060	2,877,009,960
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Vận Tải Vân Anh	3,455,265,000	2,361,480,000
Các khách hàng khác	21,037,639,940	17,983,930,145
Cộng	57,182,741,462	28,396,007,425

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty CP Xây Dựng Hạ tầng CII	21,806,224,342	-
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	115,500,000
Cộng	21,806,224,342	115,500,000

19 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí thi công liên quan đến các công trình xây dựng	71,721,856,819	24,513,406,247

Chi phí lãi vay phải trả	6,555,110,658	4,631,206,125
Chi phí phải trả khác	435,777,255	258,411,143
Cộng	78,712,744,732	29,403,023,515
20 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	98,479,274	250,747,717
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	10,614,920,358	-
Cộng	10,713,399,632	250,747,717
21 Phải trả khác		
<i>a) Ngắn hạn</i>		
	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4,788,824	-
Bảo hiểm xã hội	60,139,908	7,853,169
Bảo hiểm y tế	5,557,410	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45,000,000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23,511,271,183	11,353,142,240
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,316,399,298,056	612,408,667
<i>Phải trả giá gốc phí chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh</i>	<i>1,253,371,114,697</i>	<i>-</i>
<i>Lãi vay chậm thanh toán phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh</i>	<i>29,360,347,404</i>	<i>-</i>
<i>Lãi vay hỗ trợ vốn phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh</i>	<i>4,587,365,000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>22,184,200,000</i>	<i>-</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>6,896,270,955</i>	<i>612,408,667</i>
Cộng	1,340,026,055,381	11,973,404,076
<i>b) Dài hạn</i>		
	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	252,220,500	252,220,500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	78,000,000,000	779,279,248,049
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)</i>	<i>-</i>	<i>701,279,248,049</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (ii)</i>	<i>78,000,000,000</i>	<i>78,000,000,000</i>
Cộng	78,252,220,500	779,531,468,549
25 Lợi ích cổ đông không kiểm soát		
	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	334,634,000,000	110,370,000,000
Cổ phiếu quỹ	(22,228,560,000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	577,413	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	43,553	577,413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13,439,299,282	13,952,347,407
Cộng	325,845,360,248	124,322,924,820

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG KQKDHN

26 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Doanh thu bán hàng	12,799,069,608	8,295,443,527
Doanh thu cung cấp dịch vụ	445,708,232	6,047,465,428
Doanh thu thu phí giao thông	41,790,780,907	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	41,763,764,251	19,800,836,971
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	41,763,764,251	19,800,836,971
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính	-	-
Cộng	96,799,322,998	34,143,745,926

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	147,723,000	57,409,274
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	-	486,011,000
Cộng	147,723,000	543,420,274

27 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Giảm giá hàng bán	40,236,075	-
Phân bổ chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu	2,248,205,478	-
Cộng	2,288,441,553	-

28 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10,099,277,223	7,852,746,334
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	507,386,364	2,828,797,430
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	18,111,742,860	-
Giá vốn của hoạt động xây dựng	37,460,832,644	16,919,397,010
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	204,612,743
Cộng	66,179,239,091	27,805,553,517

29 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư (i)	50,015,700,000	-
Lãi trả chậm (ii)	39,258,969,030	-
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T (iii)	36,962,659,906	-
Lãi phát sinh từ dự án góp vốn đầu tư	7,213,766,372	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	533,429,153	20,401,030
Lãi chênh lệch tỷ giá	167,710	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	449,777,778
Cộng	133,984,692,171	470,178,808

(ii) Lãi trả chậm được quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn: lãi trả chậm được tính theo chu kỳ 6 tháng, lãi suất trả chậm bằng 7.81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân TP Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ điều khoản bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T, được tính bằng 14% (sau thuế) trên phần vốn chủ sở hữu (chiếm 20% tổng vốn đầu tư) thực tế phát sinh và được ghi nhận theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013.

30 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Lãi tiền vay	20,238,877,081	3,220,831,761
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng (i)	24,751,679,762	-
Chi phí tài chính khác	558,012	-
Cộng	44,991,114,855	3,220,831,761

31 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty liên kết	6,158,842,223	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	6,158,842,223	-
Cộng	6,158,842,223	-

33 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	10,292,453,032	-
Chi phí lương nhân viên	1,734,521,851	677,356,446
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	105,203,335	-
Chi phí thuê văn phòng	350,542,564	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1,937,293,172	655,027,151

Cộng	<u>14,420,013,954</u>	<u>1,332,383,597</u>
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Chi phí lương nhân viên	305,928,593	215,772,912
Chi phí hoa hồng bán hàng	212,600,480	115,865,200
Chi phí vận chuyển hàng bán	1,172,747,818	163,280,273
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	1,802,089,998	-
Chi phí in vé thu phí giao thông	60,150,107	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	<u>337,090,621</u>	<u>76,963,396</u>
Cộng	<u>3,890,607,617</u>	<u>571,881,781</u>
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	-
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-	(1,000,000)
Các khoản ghi giảm khác	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>-</u>	<u>(1,000,000)</u>
33 Thu nhập khác		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ (i)	165,027,535,222	-
Tiền phạt do chậm thanh toán thu được	27,625,420	-
Thu nhập khác	<u>142,000,000</u>	<u>2,300,000</u>
Cộng	<u>165,197,160,642</u>	<u>2,300,000</u>

9 Nợ xấu

	31/03/2015		01/01/2015		Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Phải thu từ ứng trước tiền hàng	820,000,000	-	820,000,000	-	- Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình					
Trung Lương Mỹ Thuận	460,983,579	-	460,983,579	-	- Công ty CTGT 621
Phải thu doanh thu thi công công trình	1,164,784,432	-	1,164,784,432	-	- Các khách hàng khác
Phải thu từ bán hàng hóa	887,668,397	-	887,668,397	-	- Các khách hàng khác
Khoản phải thu khi nhận bàn giao	283,640,353	-	283,640,353	-	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Điện Lữ Gia
Phải thu tiền cho thuê mặt bằng ở An Dương Vương	95,000,000	-	95,000,000	-	- DNTN TM Hoàng Phi
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	60,000,000	-	60,000,000	-	- Huỳnh Đăng Hồ
Phải thu tiền đồng hồ nước	52,523,488	-	52,523,488	-	- Ban quản lý dự án
Phải thu từ ứng trước tiền hàng	37,870,000	-	37,870,000	-	- Các khách hàng khác
Phải thu khoản tạm ứng chi phí hoạt động văn phòng	19,924,000	-	19,924,000	-	- Lê Thị Kim Cúc
Phải thu lệ phí tòa án	12,217,526	-	12,217,526	-	- Các khách hàng khác
	3,894,611,775	-	3,894,611,775	-	

10 Hàng tồn kho

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6,112,086,349	(32,650,364)	6,279,726,218	(32,650,364)
Công cụ, dụng cụ	69,830,336	(1,456,000)	89,662,327	(1,456,000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61,309,200,634	-	49,120,638,481	-
Thành phẩm	6,764,607,290	(528,730,757)	6,982,122,074	(528,730,757)
Hàng hóa	192,334,949	(64,770,451)	169,174,951	(64,770,451)
Cộng	74,448,059,558	(627,607,572)	62,641,324,051	(627,607,572)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ 627,607,572
 Nguyên nhân là do hàng tồn kho chậm luân chuyển. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa có hướng xử lý đối với số lượng hàng tồn kho này.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ -

Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

6 Đầu tư tài chính dài hạn

- a) Chứng khoán kinh doanh
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>b1) Ngân hạn</i>	217,862,159,865	217,862,159,865	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	217,862,159,865	217,862,159,865		
<i>b2) Dài hạn</i>	190,602,754,156	190,602,754,156	211,546,226,410	211,546,226,410
Các khoản đầu tư khác (i)	190,602,754,156	190,602,754,156	211,546,226,410	211,546,226,410
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>				
		31/03/2015		01/01/2015
	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Tỷ lệ lợi ích %
				Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	49.75%	49.75%	69,727,465,507	-
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10%	10%	37,722,728	-
Cộng			69,765,188,235	-

- 6 c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)
Đầu tư vào đơn vị khác

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Công ty CP Đầu tư AQUA	2,902,900,000	(2,902,900,000)	-	2,902,900,000
Cộng	2,902,900,000	(2,902,900,000)	-	(2,902,900,000)
				Dự phòng VND
				Giá trị hợp lý VND

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	34,113,689,478	44,785,463,254	2,784,940,616	129,507,000	81,813,600,348
Tăng khác (i)	656,087,282,984	3,466,753,583	1,795,768,097	-	661,349,804,664
Tại ngày 31/03/2015	690,200,972,462	48,252,216,837	4,580,708,713	129,507,000	743,163,405,012
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	4,340,745,841	21,662,525,667	2,014,089,409	76,116,410	28,093,477,327
Khấu hao trong kỳ	6,700,000,592	692,784,215	45,884,344	4,856,514	7,443,525,665
Tăng khác (i)	117,278,354,904	1,490,289,907	432,293,040	-	119,200,937,851
Tại ngày 31/03/2015	128,319,101,337	23,845,599,789	2,492,266,793	80,972,924	154,737,940,843
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	29,772,943,637	23,122,937,587	770,851,207	53,390,590	53,720,123,021
Tại ngày 31/03/2015	561,881,871,125	24,406,617,048	2,088,441,920	48,534,076	588,425,464,169

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

Nguyên giá của TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Nguyên giá của TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

(i) Tăng khác trong kỳ là do hợp nhất báo cáo các công ty con

Công ty mẹ - CII B&R

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	854,759,656	-	-	-	854,759,656
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	854,759,656	-	-	-	854,759,656

GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	170,160,386	-	-	-	170,160,386
Khấu hao trong năm	21,451,164	-	-	-	21,451,164
Tăng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	191,611,550	-	-	-	191,611,550

GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	684,599,270	-	-	-	684,599,270
Tại ngày 31/03/2015	663,148,106	-	-	-	663,148,106

Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn

Không có TSCĐ hữu hình

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	-	3,211,477,583	-	-	3,211,477,583
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	3,211,477,583	-	-	3,211,477,583

GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	-	1,374,875,115	-	-	1,374,875,115
Khấu hao trong năm	-	94,976,161	-	-	94,976,161
Tăng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	1,469,851,276	-	-	1,469,851,276
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	-	1,836,602,468	-	-	1,836,602,468
Tại ngày 31/03/2015	-	1,741,626,307	-	-	1,741,626,307

Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	29,276,707,484	23,681,185,619	1,101,705,037	109,330,150	54,168,928,290
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tặng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	29,276,707,484	23,681,185,619	1,101,705,037	109,330,150	54,168,928,290

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	163,688,136	594,859,500	46,197,830	7,704,356	812,449,822
Khấu hao trong năm	162,648,375	591,080,904	45,904,377	9,110,847	808,744,503
Tặng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	326,336,511	1,185,940,404	92,102,207	16,815,203	1,621,194,325

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015	29,113,019,348	23,086,326,119	1,055,507,207	101,625,794	53,356,478,468
Tại ngày 31/03/2015	28,950,370,973	22,495,245,215	1,009,602,830	92,514,947	52,547,733,965

Công ty CP Đầu tư và phát triển xây dựng Ninh thuận

Không có TSCĐ hữu hình

Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh thuận

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	-	-	1,308,332,818	-	1,308,332,818
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tặng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	1,308,332,818	-	1,308,332,818

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	-	-	65,416,640	-	-	65,416,640
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển giao	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	65,416,640	-	-	65,416,640

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015	-	-	1,242,916,178	-	-	1,242,916,178
Tại ngày 31/03/2015	-	-	1,242,916,178	-	-	1,242,916,178

Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình

Không có TSCĐ hữu hình

Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	656,087,282,984	255,276,000	487,435,279	-	656,829,994,263
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	656,087,282,984	255,276,000	487,435,279	-	656,829,994,263

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	117,278,354,904	115,414,792	366,876,400	-	117,760,646,096
Khấu hao trong năm	6,515,901,053	6,727,150	11,840,632	-	6,534,468,835
Tăng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	123,794,255,957	122,141,942	378,717,032	-	124,295,114,931

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015	538,808,928,080	139,861,208	120,558,879	-	539,069,348,167
Tại ngày 31/03/2015	532,293,027,027	133,134,058	108,718,247	-	532,534,879,332

13 Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	-	8,031,674,450	100,000,000	8,131,674,450
Tăng khác (i)	857,762,382,197	-	125,000,000	857,887,382,197
Tại ngày 31/03/2015	857,762,382,197	8,031,674,450	225,000,000	866,019,056,647
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	-	907,079,560	26,190,333	933,269,893
Khấu hao trong kỳ	9,677,714,162	42,663,879	3,035,715	9,723,413,756
Tăng khác (i)	46,712,096,602	-	82,250,000	46,794,346,602
Tại ngày 31/03/2015	56,389,810,764	949,743,439	111,476,048	57,451,030,251
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	-	7,124,594,890	73,809,667	7,198,404,557
Tại ngày 31/03/2015	801,372,571,433	7,081,931,011	113,523,952	808,568,026,396

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

808,454,502,444
80,000,000

Công ty mẹ - CII B&R

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	50,000,000	50,000,000
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	50,000,000	50,000,000

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	-	-	25,008,011	25,008,011
Khấu hao trong kỳ	-	-	1,250,001	1,250,001
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	26,258,012	26,258,012

GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	24,991,989	24,991,989
Tại ngày 31/03/2015	-	-	23,741,988	23,741,988

Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn

Không có TSCĐ vô hình

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội

Không có TSCĐ vô hình

Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	-	7,167,531,506	50,000,000	7,217,531,506
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	7,167,531,506	50,000,000	7,217,531,506

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	-	42,936,616	1,182,322	44,118,938
Khấu hao trong kỳ	-	42,663,879	1,785,714	44,449,593
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	85,600,495	2,968,036	88,568,531

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015	-	7,124,594,890	48,817,678	7,173,412,568
Tại ngày 31/03/2015	-	7,081,931,011	47,031,964	7,128,962,975

Công ty CP Đầu tư và phát triển xây dựng Ninh thuận

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	581,331,629,217	-	-	581,331,629,217
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tặng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	581,331,629,217	-	-	581,331,629,217

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	46,712,096,602	-	-	46,712,096,602
Khấu hao trong kỳ	9,677,714,162	-	-	9,677,714,162
Tặng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	56,389,810,764	-	-	56,389,810,764

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015	534,619,532,615	-	-	534,619,532,615
Tại ngày 31/03/2015	524,941,818,453	-	-	524,941,818,453

Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh thuận

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	45,000,000
Mua trong kỳ	-	-	45,000,000	-
Tặng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	45,000,000	45,000,000

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	-	-	2,250,000	2,250,000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	2,250,000	2,250,000

GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	42,750,000	42,750,000
Tại ngày 31/03/2015	-	-	42,750,000	42,750,000

Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình 276,430,752,980 Điều chỉnh hợp nhất tăng giá trị quyền thu phí giao thông do đánh

Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	80,000,000	80,000,000
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	80,000,000	80,000,000

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	80,000,000	80,000,000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	80,000,000	80,000,000

GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	-	-	-	-

18 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng								
Công ty mẹ - CII B&R	-		5,883,987,042		1,704,908,949		1,063,388,608	
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn			9,283,996,991		1,885,382,592		9,283,996,991	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội			55,870,254		583,873,236		322,104,521	
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia			1,941,252,846		16,080,044,487		10,669,490,120	
Công ty CP Đầu tư và PT xây dựng Ninh Thuận	370,358,516		2,189,528,091		1,963,425,539		596,461,068	
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	-		-		-		-	
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	-		-		-		-	
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	717,522,812		1,989,550,002		2,240,145,274		466,927,540	
Thuế thu nhập doanh nghiệp								
Công ty mẹ - CII B&R	-		-		-		-	
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	188,378,930		13,747,988		188,378,930		13,747,988	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	5,654,401,131		5,855,166,994		5,654,401,131		5,855,166,994	
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	1,697,003,662		810,042,842		1,697,003,662		810,042,842	
Công ty CP Đầu tư và PT xây dựng Ninh Thuận	30,166,978,872		1,675,180,707		30,166,978,872		1,675,180,707	
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	697,040,224		328,512,668		697,040,224		328,512,668	
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	-		-		-		-	
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	118,498,223		601,345,792		118,498,223		601,345,792	
Thuế thu nhập cá nhân								
Công ty mẹ - CII B&R	2,134,815		706,049,133		530,137,797		178,046,151	
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	38,001,501		11,957,265		38,001,501		11,957,265	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	23,260,222		40,993,062		55,591,062		8,662,222	
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	15,753,938		121,360,403		15,753,938		121,360,403	
Công ty CP Đầu tư và PT xây dựng Ninh Thuận	5,162,318		5,002,323		10,164,641		-	
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	-		-		-		-	
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	-		-		-		-	
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	428,689		26,698,268		25,048,477		2,078,480	

23 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/03/2015	01/01/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	55,353,215,335	70,610,038
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

24 **Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	151,507,190,000	53,265,105,182	(5,362,083,904)	3,796,787,134	624,928,244	23,465,703,084	227,297,629,740
Tăng vốn trong năm	73,662,360,000	(53,230,105,182)	-	-	-	(20,432,254,818)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	214,288,636,578	214,288,636,578
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(35,000,000)	-	-	-	-	(35,000,000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính	-	-	-	3,759,149,000	300,254,587	(4,059,403,587)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(8,118,807,175)	(8,118,807,175)
Tại ngày 01/01/2015	225,169,550,000	-	(5,362,083,904)	7,555,936,134	925,182,831	205,143,874,082	433,432,459,143
Tăng vốn trong kỳ	503,378,100,000	-	-	-	-	-	503,378,100,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	247,311,213,681	247,311,213,681
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	98,912,160	60,519,840	-	-	-	159,432,000
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(150,000,000)	-	-	-	-	(150,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(26,518,494,000)	(26,518,494,000)
Phân loại quỹ	-	-	-	925,182,831	(925,182,831)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính	-	-	-	-	624,947,695	(624,947,695)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(208,330,416)	(208,330,416)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(15,026,957)	(15,026,957)
Tại ngày 31/03/2015	728,547,650,000	(51,087,840)	(5,301,564,064)	8,481,118,965	624,947,695	425,088,288,695	1,157,389,353,451

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015		Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	47,145,661,927	223,203,322,761	-	1,672,363,785
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	95,059,963	69,688,673	-	-
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	-	-	-
<i>Chi phí lãi vay góp vốn vào công ty con</i>	-	-	-	-
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư khác</i>	-	-	-	-
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	95,059,963	69,688,673	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	47,240,721,890	223,273,011,434	-	1,672,363,785
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	47,240,721,890	40,059,890,217	-	-
Thu nhập chịu thuế 22%	39,258,969,030	40,059,890,217	-	1,613,167,191
Thu nhập chịu thuế 10% (ii)	7,886,692,897	-	-	-
Thuế TNDN phải nộp	9,425,642,476	8,813,175,849	-	354,896,782
Thuế TNDN được miễn giảm (ii)	(9,283,334,002)	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	142,308,474	8,813,175,849	-	354,896,782
Công ty mẹ - CII B&R		8,955,484,323		354,896,782
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn		8,955,484,323		354,896,782
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	39,258,969,030	-	-	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia		62,490,853		
Công ty CP Đầu tư và phát triển xây dựng Ninh Thuận		26,614,395,426		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	5,040,523,413	3,682,012,916		
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	-	7,614,457,760		
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	2,846,169,484	2,086,533,262		

Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên).

<i>a - Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:</i>	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)		
- Hỗ trợ vốn tái cấu trúc Công ty, nhận tiền vay	345,000,000,000	
- Chuyển trả vốn tái cấu trúc, trả tiền vay	980,000,000	
- Phải trả tiền mua CP Cty Cầu SG, Cty Cầu Rạch Miễu, XLHN, Ninh Thuận, BOT Ninh	1,062,382,549,179	
- Thanh toán tiền mua CP Cty Cầu SG, Cty Cầu Rạch Miễu	612,567,111,117	
- Chi phí lãi vay đầu tư dự án Lữ Gia Công ty phải trả	-	
- Tiền lãi phải trả do chuyển nhượng CP	44,847,704,052	
- Thanh toán tiền lãi chuyển nhượng CP	21,449,895,215	
- Doanh thu tiền thuê kho ADV, thuê VP	147,723,000	
- Phát hành Cổ phiếu riêng lẻ 35,700,000 CP	357,000,000,000	
- Thu tiền bán Cổ phiếu riêng lẻ 35,700,000 CP	357,000,000,000	
- Thu tiền gốc và lãi hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc	29,030,216,397	
- Lợi nhuận được chia từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc	7,213,766,372	
- Thu tiền lợi nhuận được chia từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc	-	
- Lợi nhuận được chia từ hợp tác KD từ Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	
- Thu tiền lợi nhuận được chia từ hợp tác KD từ Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	6,965,000,000	
- Doanh thu cho thuê kho, văn phòng	-	
	-	
	-	
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
- Doanh thu thi công công trình và cung cấp hàng hóa	-	-
- Thu tiền thi công công trình và cung cấp hàng hóa	-	-
	-	-
	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ Tầng	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
- Doanh thu thi công công trình và cung cấp hàng hóa	-	-
- Thu tiền thi công công trình và cung cấp hàng hóa	-	-
....	-	-
	-	-
	-	-
Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
- Chi phí thuê văn phòng	210,000,000	
- Thanh toán Chi phí thuê văn phòng	577,500,000	-
- Chuyển tiền hỗ trợ vốn tái cấu trúc	150,000,000	-
- Thanh toán thanh lý TSCĐ & bất động sản đầu tư	18,138,403,068	
	-	
	-	
<i>b - Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:</i>	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)		
- Phải trả hỗ trợ vốn tái cấu trúc Công ty	344,020,000,000	
- Phải trả tiền mua CP Cty Cầu SG, Cty Cầu Rạch Miễu, XLHN, Ninh Thuận, BOT Ninh	1,151,094,686,111	
- Tiền lãi phải trả do chuyển nhượng CP Cty Ninh Thuận, XLHN, Cầu SG, Cầu Rạch ch	33,947,712,404	
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư Cầu Rạch Chiếc	-	
- Doanh thu chưa thực hiện	98,479,274	
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc	7,213,766,372	
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ hợp tác KD từ Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	
	-	
	-	
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014

- Mua CP Cty Cơ Khí Điện Lữ Gia	78,000,000,000	-
- Phải thu bán hàng và giá trị thi công công trình	850,996,290	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ Tầng	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
- Phải trả	-	-
Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
- Phải thu tiền hỗ trợ vốn tái cấu trúc	140,000,000	
- Phải thu tiền chi nộp hộ BHXH	1,046,388	
- Công ty trả trước tiền thuê văn phòng	115,500,000	

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Xem bảng kết quả kinh doanh theo bộ phận

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Thông

Lập ngày 22 tháng 5 năm 2015
 Tổng Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

 Nguyễn Văn Thành